

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 04-5-2020.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Khang

Bà Lê Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 743/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Bích A, sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú tại: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh D. Tạm trú tại: Ấp AB, xã AT, huyện Tr, tỉnh TN (Nay là khu phố An Bình, phường An Tịnh, thị xã Tr, tỉnh TN)- Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn E, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp H, xã AH, huyện Tr, tỉnh TN; (nay là khu phố H, phường AH, thị xã Tr, tỉnh TN) - Vắng mặt có đơn xin.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Bích A trình bày: Chị và anh E chung sống với nhau vào năm 2017, không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống, vợ chồng về sống tại nhà chung của gia đình chồng ấp H, xã AH, huyện Tr, tỉnh TN; (nay là khu phố H, phường AH, thị xã Tr, tỉnh TN). Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ tháng 8-2019 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn gây mất hạnh phúc gia đình. Nay vợ chồng không thể chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh E.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Quốc Đ, sinh ngày 16-5-2017; hiện cháu đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu gì khác.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn E trình bày: Anh E nhất lời trình bày của chị A về ngày tháng chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung và thời gian ly thân là đúng. Nguyên nhân vợ chồng không đăng ký kết hôn là do vợ chồng đều làm công nhân nên chưa có thời gian đi làm thủ tục đăng ký kết hôn thì đã xảy ra mâu thuẫn đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống và chị A không hòa nhập được với cuộc sống của gia đình anh nên chị A yêu cầu anh ra nhà trọ sống nhưng anh không đồng ý, từ đó chị A dọn ra sống riêng đến nay. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng không có hòa giải với nhau lần nào. Nay anh đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: Anh đồng ý giao con cho vợ nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng tuyên xử:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A với anh E.
- Về con chung: Giao cháu Võ Quốc Đ, sinh ngày 16-5-2017 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn E vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh E chung sống với nhau vào năm 2017, không có đăng ký kết hôn. Đến tháng 8-2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và chị A không hòa nhập được với cuộc sống gia đình chồng, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn gây mất hạnh phúc gia đình nên chị A đã dọn ra thuê nhà trọ sống. Hai người đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân của chị A, anh E không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị A yêu cầu ly hôn, áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A với anh E.

[3] Về con chung: Cháu Võ Quốc Đ, sinh ngày 16-5-2017. Xét thấy hiện nay cháu Đ đang sống với chị A, chị A có nguyện vọng được nuôi cháu Đ và anh E cũng đồng ý giao con cho chị A nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đ là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị Bích A đối với anh Lê Văn E.

2. Về con chung:

- Giao con chung: Cháu Võ Quốc Đ, sinh ngày 16-5-2017 cho chị A có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

- Anh E không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu.

- Anh E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị A đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017757 ngày 17-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (Nay là Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh). (Chị A đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Chị A được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh E được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Như Thủy